

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm m
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
	<b>Chủ đề 1: Sự phát triển của KH, KT, VH, NT trong các thế kỉ XVIII - XIX</b>	- Sự phát triển của KH, KT, VH, NT trong các thế kỉ XVIII - XIX	4 câu					1/2 câu			<b>2 đ (20 %)</b>
	<b>Chủ đề 2: - Châu Á từ nửa sau TK XVIII đến đầu TK XX - Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX</b>	- Nhật Bản, Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.  - Việt Nam dưới thời Nguyễn	4 câu			1 câu			1/2 câu		<b>3đ (30 %)</b>
<b>Tỉ lệ</b>			<b>8TNKQ (2đ) =20%</b>		<b>1 câu TL ( 1,5đ)=15 %</b>			<b>1 /2câu TL (1đ)=10%</b>		<b>1 câu TL ( 0,5đ) = 5%</b>	<b>50 %</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>20%</b>		<b>15%</b>			<b>15%</b>			<b>50 %</b>

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	<b>CD 1: Sự phát triển của KH, KT, VH, NT trong các thế kỉ XVIII - XIX</b>	- Sự phát triển của KH, KT, VH, NT trong các thế kỉ XVIII - XIX	* <b>Nhận biết:</b> - Thành tựu của KH, KT thế kỉ XVIII – XIX. * <b>Thông hiểu:</b> - Tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật thế kỉ XVIII – XIX,	1 câu TN	2 câu TN		
2	<b>CD 2: - Châu Á từ nửa sau TK XVIII đến đầu TK XX - Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX</b>	- Nhật Bản, Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.  - Việt Nam dưới thời Nguyễn	* <b>Nhận biết</b> - Chính sách đối ngoại của Nhật Bản khi chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. - PT GPDT ở Đông Nam Á * <b>Thông hiểu:</b> - Việt Nam dưới thời Nguyễn * <b>Vận dụng thấp:</b> - Trách nhiệm của bản thân tròng công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước. * <b>Vận dụng cao</b> - Liên hệ về chủ quyền biển đảo Việt NAM	5 câu TN	1 câu TL	1/2 câu TL	1/2 câu TL
Số câu/ loại câu				6câu TN	2TN + 1 câu TL	1/2 câu TL	1/2 câu TL
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>20%</b>	<b>15%</b>	<b>10%</b>	<b>5%</b>

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
	<b>Chủ đề 1: Tác động của biển đổi khí hậu đến khí hậu và thủy văn Việt Nam</b>	-Tác động của biến đổi khí hậu đến khí hậu -Tác động của biến đổi khí hậu đối với thủy văn. -Ứng phó với biến đổi khí hậu.	4 câu					1/2 câu			<b>2 đ (20 %)</b>
	<b>Chủ đề 2: Thổ nhưỡng Việt Nam</b>	-Tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. -Ba nhóm đất chính. -Tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất.	4 câu		1 câu				1/2 câu		<b>3đ (30 %)</b>
<b>Tỉ lệ</b>			<b>8TNKQ (2đ) =20%</b>		<b>1 câu TL ( 1,5đ)=15 %</b>			<b>1 /2câu TL (1đ)=10%</b>		<b>1 câu TL ( 0,5đ) = 5%</b>	<b>50 %</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>20%</b>		<b>15%</b>			<b>15%</b>		<b>50 %</b>	

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dun g cao
1	<b>CĐ 1: Tác động của biến đổi khí hậu đến khí hậu và thủy văn Việt Nam</b>	-Tác động của biến đổi khí hậu đến khí hậu -Tác động của biến đổi khí hậu đối với thủy văn. -Ứng phó với biến đổi khí hậu.	<b>* Nhận biết:</b> - Biểu hiện của biến đổi khí hậu - Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn <b>* Vận dụng thấp:</b> - Các giải pháp góp phần giảm nhẹ và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu	4 câu TN		1/2 câu TL	
2	<b>CĐ 2: Thổ nhưỡng Việt Nam</b>	-Tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. -Ba nhóm đất chính. -Tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hóa đất.	<b>*Nhận biết</b> -Đặc điểm nổi bật của tài nguyên đất. - Hiện tượng xói mòn, thoái hóa đất <b>* Thông hiểu:</b> - Đặc điểm, phân bố, giá trị sử dụng của ba nhóm đất chính ở nước ta. <b>* Vận dụng cao</b> - Biện pháp bảo vệ và phát huy hiệu quả tài nguyên đất ở nước ta.	4 câu TN	1 câu TL		1/2 câu TL
Số câu/ loại câu				8câu TN	1 câu TL	1/2 câu TL	1/2 câu TL
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>20%</b>	<b>15%</b>	<b>10%</b>	<b>5%</b>

**A) PHẦN LỊCH SỬ ( 5 điểm)**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM ( 2 điểm) Chọn đáp án đúng.**

**Câu 1.** Phát minh nào dưới đây đã tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ô tô, máy bay và thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ?

- A. Máy hơi nước. B. Động cơ đốt trong.  
C. Pin Mặt Trời. D. Năng lượng nguyên tử.

**Câu 2.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật trong các thế kỉ XVIII - XIX?

- A. Đưa nhân loại bước vào thời đại văn minh trí tuệ.  
B. Mang đến những hiểu biết sâu sắc về xã hội loài người.  
C. Đưa nhân loại bước vào thời đại văn minh công nghiệp.  
D. Nhận thức của con người về thế giới tự nhiên có sự thay đổi.

**Câu 3.** Nhà văn Vích-to Huy-gô là tác giả của tác phẩm nào dưới đây?

- A. “Những người khốn khổ”. B. “Chiến tranh và hòa bình”.  
C. “Đông Giông”. D. “Tấn trò đời”.

**Câu 4.** Điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản khi chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa là

- A. đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa, bành trướng ảnh hưởng.  
B. phát động chiến tranh đế quốc để phân chia lại thuộc địa.  
C. đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân lao động.  
D. hỗ trợ và giúp đỡ các nước châu Á bảo vệ độc lập dân tộc.

**Câu 5.** Ở Việt Nam, trong những năm 1885 - 1896 đã diễn ra cuộc đấu tranh nào dưới đây?

- A. Khởi nghĩa Yên Bái. B. Phong trào Cần vương.  
C. Khởi nghĩa Yên Thế. D. Khởi nghĩa của A-cha-xoa.

**Câu 6.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX?

- A. Có sự tham gia của nhiều tầng lớp xã hội.  
B. Diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau.  
C. Diễn ra sôi nổi nhưng cuối cùng thất bại.  
D. Lật đổ ách cai trị của thực dân phương Tây.

**Câu 7.** Truyện Kiều là một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ nào?

- A. Nguyễn Đình Chiểu. B. Hồ Xuân Hương.  
C. Nguyễn Du. D. Bà huyện Thanh Quan.

**Câu 8.** Vị vua nào của nhà Nguyễn đã cho khắc những vùng biển, cửa biển quan trọng của Việt Nam lên Cửu Đỉnh?

- A. Gia Long. B. Minh Mệnh. C. Thành Thái. D. Duy Tân.

**PHẦN II: TỰ LUẬN ( 3 điểm)**

**Câu 1: ( 1 điểm)** Hãy trình bày nội dung chính và kết quả của cuộc Duy tân Minh Trị?

**Câu 2: ( 1 điểm)** Nêu hiểu biết của em về tình hình kinh tế Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX?

**Câu 3: ( 1 điểm)** Nêu cảm nghĩ của em về quá trình thực thi chủ quyền của nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Bản thân em thấy mình cần phải làm gì để góp phần vào công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước?

**B/PHẦN ĐỊA LÍ : (5 điểm)**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2 điểm) : Chọn 1 đáp án đúng nhất**

**Câu 1:** Đâu **không phải** là biểu hiện của biến đổi khí hậu?

- A. Nhiệt độ không khí tăng, khí hậu trái đất nóng lên,...
- B. Biến động trong chế độ mưa, lượng mưa, gia tăng tốc độ tan băng
- C. Gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, hạn hán...
- D. Chế độ mưa và chế độ dòng chảy có sự ổn định qua các năm.

**Câu 2:** Vào mùa mưa lũ, số ngày mưa lũ gia tăng gây nên tình trạng nào ?

- A. Gia tăng nguy cơ thiếu nước sinh hoạt và sản xuất ở một số địa phương
- B. Sinh vật trở nên đa dạng và phong phú
- C. Lũ quét ở miền núi và ngập lụt ở đồng bằng ngày càng trầm trọng
- D. Lưu lượng nước có xu hướng giảm dần về phía hạ lưu.

**Câu 3:** Đâu là đáp án đúng khi nói về biến đổi khí hậu?

- A. Biến đổi khí hậu làm cho thời tiết nước ta trở nên ôn hòa hơn
- B. Biến đổi khí hậu chỉ đem lại tác động tiêu cực cho thời tiết nước ta
- C. Biến đổi khí hậu mang đến những tác động tích cực đến thời tiết nước ta
- D. Biến đổi khí hậu đã khiến thời tiết nước ta trở nên khắc nghiệt hơn

**Câu 4:** Biến đổi khí hậu là do tác động của

- A. Các thiên thạch rơi xuống
- B. Các vụ nổ hạt nhân, thử vũ khí
- C. Các thiên tai trong tự nhiên
- D. Các hoạt động của con người

**Câu 5:** Đặc điểm nổi bật nhất của tài nguyên đất nước ta là

- A. Đất phì nhiêu, màu mỡ, tơi xốp.
- B. Ít chịu tác động của con người.
- C. Đất có tầng phong hóa dày, dễ bị rửa trôi.
- D. Đa dạng, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.

**Câu 6:** Ở các rừng ngập mặn ven biển, các bãi triều ngập nước và ở cửa sông lớn thuận lợi cho việc

- A. đánh bắt thủy sản.
- B. nuôi trồng thủy sản.
- C. trồng cây lâu năm.
- D. trồng cây lúa nước.

**Câu 7:** Nội dung nào sau đây **không phải** là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thoái hóa đất ở Việt Nam?

- A. Việt Nam có 3/4 diện tích đồi núi, có độ dốc cao.
- B. Hạn chế sử dụng phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp.
- C. Biến đổi khí hậu làm gia tăng tình trạng hạn hán, ngập lụt.
- D. Nạn phá rừng để lấy gỗ, đốt nương làm rẫy.

**Câu 8:** Đâu là giải pháp giúp đất có nhiều chất dinh dưỡng?

- A. Bón phân hữu cơ.
- B. Bón phân hoá học.
- B. Chặt bớt cây.
- D. Tưới nước thường xuyên.

**PHẦN II: TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1: (1 điểm)** Trình bày một số giải pháp góp phần giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu?

**Câu 2: (2 điểm)**

a/ So sánh ba nhóm đất chính ở nước ta về đặc điểm, sự phân bố và giá trị sử dụng ?

b/ Theo em, là một học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường, em cần phải làm những gì để bảo vệ và phát huy hiệu quả tài nguyên đất ở nước ta?

**A/ PHẦN LỊCH SỬ: ( 5 điểm)**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2đ)**

1.D	2.C	3.D	4.D	5.D	6.A	7.B	8.A
Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm							

**II. TỰ LUẬN ( 3đ)**

**Câu 1: Nội dung và kết quả của cuộc duy tân Minh Trị**

Lĩnh vực cải cách	Nội dung
<b>Chính trị</b> 0,25đ	- Thành lập chính phủ mới, xoá bỏ tình trạng cát cứ. - Ban hành Hiến pháp năm 1889. - Đưa quý tộc tư sản hoá và đại tư sản lên nắm quyền.
<b>Kinh tế</b> 0,25đ	- Thống nhất tiền tệ và thị trường, cho phép mua bán ruộng đất và tự do kinh doanh. - Xây dựng đường xá, cầu cống...
<b>giáo dục</b> 0,25đ	- Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật trong chương trình giảng dạy. - Cử học sinh ưu tú du học ở phương Tây.
<b>Quân sự</b> 0,25đ	- Tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây, thực hiện chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. - Phát triển công nghiệp đóng tàu, sản xuất vũ khí.... - Học tập các chuyên gia quân sự nước ngoài về lục quân, hải quân.

**Câu 2:**

**Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX**

**\* Kinh tế ( 0,5 đ)**

- Nông nghiệp:

+ Chính sách quân điền

+ Khuyến khích khai hoang.

+ Địa chủ, cường hào bao chiếm ruộng

+ Lụt lội, hạn hán xảy ra thường xuyên.

=> Nông nghiệp không phát triển, đời sống ND không ổn định.

- Thủ công nghiệp:

+ Nghề khai mỏ được đẩy mạnh.

+ Một số ngành, nghề không phát triển được do chính sách bế quan toả cảng, thợ giỏi bị bắt vào làm trong các quan xưởng.

- Thương nghiệp:

- + Nội thương phát triển chậm
- + Ngoại thương: nhà nước độc quyền
- => Kinh tế lạc hậu; nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo

**\* Xã hội (0,5đ)**

- Cuộc sống nhân dân khổ cực.
- Lực lượng: nông dân, thợ thuyền, binh lính, nhà nho, nhân dân các dân tộc thiểu số.
- Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu bao gồm: Phan Bá Vành (1821-1827) ở Thái Bình, Lê Duy Lương (1833) ở Ninh Bình, Nông Văn Vân (1833-1835) ở Cao Bằng và Cao Bá Quát (1854-1856) ở Hà Nội.
- => Giữa thế kỉ XIX, nền kinh tế - xã hội Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng.

**Câu 3:**

- \* HS nêu được cảm nghĩ về quá trình thực thi chủ quyền của nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. ( 0,5 đ)
- \* Liên hệ bản thân: Bản thân em thấy mình cần phải làm gì để góp phần vào công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước( 0,5 đ)

**B/ PHẦN ĐỊA LÍ : (5 điểm)**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2đ)**

1.D	2.C	3.D	4.D	5.D	6.A	7.B	8.A
Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm							

**II. TỰ LUẬN (3đ)**

**Câu 1:** Một số giải pháp góp phần giảm nhẹ biến đổi khí hậu : (0,5đ)

- Sử dụng tiết kiệm năng lượng:
- + Sử dụng các thiết bị điện tiêu hao ít năng lượng;
- + Tạo thói quen tắt thiết bị điện khi không sử dụng;
- + Sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi xe đạp,...
- Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo: năng lượng mặt trời, gió, sức nước,...
- Sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước.
- Bảo vệ rừng, trồng và bảo vệ cây xanh tạo môi trường trong lành.
- Giảm thiểu và xử lí rác thải, chất thải: phân loại rác, bỏ rác đúng nơi quy định,...
- \* Một số giải pháp góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu : (0,5đ)
- Trong sản xuất nông nghiệp:
- + Thay đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi; nghiên cứu các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với bối cảnh biến đổi khí hậu;
- + Nâng cấp hệ thống thủy lợi để cung cấp nước vào mùa khô, hạn chế tác động của xâm nhập mặn,...
- Trong công nghiệp: ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ vào quy trình sản xuất để tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu và tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt,...
- Trong dịch vụ:
- + Cải tạo, tu bổ và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông;



+ Nghiên cứu tạo ra các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp với biến đổi khí hậu ở địa phương.

**Câu 2:**

<b>Nhóm đất</b>	<b>Đất feralit</b>	<b>Đất mùn núi cao</b>	<b>Đất phù sa</b>	<b>Biểu điểm</b>
<b>Đặc điểm</b>	- Đất chua, nghèo mùn, nhiều sét. - Có màu đỏ vàng do tích tụ nhiều ôxit sắt và nhôm.	- Đất xốp, giàu mùn. - Màu đen hoặc nâu.	- Đất có độ phì cao, rất giàu dinh dưỡng.	0,5đ
<b>Phân bố</b>	Ở các tỉnh trung du và miền núi	Dưới thảm rừng á nhiệt đới và ôn đới núi cao.	Chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu long và các đồng bằng duyên hải miền Trung.	0,75đ
<b>Giá trị sử dụng</b>	Phát triển rừng, trồng cây công nghiệp và ăn quả.	Trồng rừng phòng hộ.	- Trồng cây lương thực, công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả,... -Phát triển nuôi trồng đánh bắt thủy sản ở vùng ven biển.	0,75đ

**Câu 3: (0,5đ)**

Là một học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường, để bảo vệ và phát huy hiệu quả tài nguyên đất ở nước ta, em cần:

- Tuyên truyền người dân sử dụng tài nguyên đất hợp lí.
- Trồng nhiều cây xanh để giảm tình trạng đất trống, đồi trọc.
- Cải tạo đất hoang đồi trọc bằng các biện pháp trồng trọt kết hợp.
- Không lạm dụng chất hóa học, thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.

